TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2026
V/v "*Tranh chấp về ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đường
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hằng
Bà Vũ Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 tham gia phiên tòa: Bà Lê Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị TT, sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Chùa H, phường VP, tỉnh P; chỗ ở hiện nay: Khu chung cư Đồi Son, phường V, tỉnh P (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 14, ngách 2, ngõ 11, tổ dân phố H, phường P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị TT trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc S kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/03/1998 tại UBND thị trấn T, nay là phường V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại Bệnh viện Đông y (nay là Bệnh viện y học cổ truyền), đến năm 2005 vợ chồng chuyển về ở tại tổ dân phố Chùa H, phường P, tỉnh P. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và nuôi dạy con chung nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân ông S có đến chỗ bà ở để gây rối trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bà. Nay bà

T xác định tình cảm vợ chồng không còn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc S trình bày: Ông nhất trí với bà T về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như bà T trình bày là đúng. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông S có 2 con chung là cháu Nguyễn Cẩm D, sinh ngày 14/01/1999 và cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Hoàng Thị TT, xử cho Hoàng Thị TT được ly hôn với ông Nguyễn Quốc S; về con chung; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị TT làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Quốc S có địa chỉ tại tổ dân phố H, phường P, tỉnh Phú Thọ. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 tỉnh Phú Thọ.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Bà T và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày và nuôi dạy con chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà T và ông S sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết

và tại phiên tòa ông S không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông S không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T cho bà T được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà T và ông S có 2 con chung là cháu Nguyễn Cẩm D, sinh ngày 14/01/1999 và cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/02/2003. Hiện nay cháu Dung và cháu Dũng đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị TT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Hoàng Thị TT được ly hôn ông Nguyễn Quốc S

1.1. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về án phí: Bà Hoàng Thị TT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004751 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận**:*
- VKSND khu vực 9;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Đường